

# PHÁP HOA QUYỀN NGHĨA THÍCH THIÊM

## QUYỂN 5

Tiếp đến trong phân tách biệt giải thích, có hai: Một. Kết luận về số nêu ra Diệu; Hai. Chính thức giải thích về Diệu. Ba thô một Diệu trong văn phần đầu, tạm thời dùng Đản Thô đối với Độc Diệu mà nói, ba Vị thô Diệu còn lại kèm cặp nhau cho nên giản lược chưa luận đến, xuống đoạn sau sẽ nêu ra đầy đủ, trong đó có hai: Một là kết luận về số; hai là từ “Nhược phá...” trở xuống nêu ra Diệu. Trong văn phần đầu nói Bốn Tích... ấy, là Bốn Tích đều có đủ mười nghĩa, nêu ra đầy đủ ở văn. Nếu như mười nghĩa quán tâm đồng thời đều kèm thêm ở cuối các văn, hoặc là giữ lại hoặc là không có không thể tách biệt mở ra chương mục, quán tâm đó đã đưa vào sau các văn, nay chỉ dựa theo Tích môn và Bốn môn đều có đủ mười nghĩa Diệu, đều thâm nhiếp đối với tâm, Phật và chúng sanh. Nay phần đầu là Tích môn mười diệu, phân làm hai: Trước là nêu ra, tiếp là giải thích. Trong phần giải thích phân làm năm: Trong phần thứ nhất nói giải thích mở rộng năm chương, mỗi một chương nhiều lần dấy khởi năm tâm, cho nên nay giải thích tên gọi mười Diệu của Tích môn, trong đó nhằm về bảy loại trước đây để thành tựu năm tâm, chỉ có điều là thiếu khai hợp và quán tâm, bởi vì cùng phân tán ra ở các căn. Vì vậy nay nêu ra chương khởi niệm dẫn chứng về khởi tín sanh khởi khởi Định, hướng là các Diệu về sau khắp nơi đều như vậy, cùng quán tâm khởi tiến khai hợp khởi Tuệ đầy đủ năm tâm, cho nên lại nêu ra năm loại ý thuộc về nơi này. Đầu tiên là nêu ra chương ấy, không những thẳng thắn nêu ra mười tên gọi mà thôi, bao gồm nêu ra tất cả các khoa trong chương, như cảnh nêu ra đầy đủ sáu, trí nêu ra hai mươi loại xem văn có thể biết. Giải thích là điều cần phải sơ lược thuật rõ đại thể văn tướng các khoa thu nhận về sau quán sát hiện tại, sơ qua cũng có thể thấy cho đến trong mỗi một Diệu đều trước là nêu ra toàn bộ, cuối cùng là nói ý. Như cảnh Diệu thì nói cảnh là sở sự, Trí nói là đạo hạnh... tìm hiểu điều ấy có thể biết. Trong phần nêu ra cảm ứng thì trước ví như Cảm, trắng ví như ứng, không lên cao không xuống thấp là



cảm ứng đạo giao. Trong phần thần thông Báo được ở cõi Trời, tu được như cõi Tiên, tác ý thuộc về Tạng, Thể pháp thuộc về Thông, vô ký ở tại Sơ Địa Sơ Trú của Biệt - Viên. Xa gần ấy thì từ Phật Đại Thông gọi là xa, từ đó về sau gọi là gần. Trong phần thứ hai dẫn chứng: Trước là chỉ ra xứ, tiếp là chính thức dẫn chứng. Trong Cảnh nói rằng trí tuệ môn ấy là cửa ngõ của nhà trí tuệ tức là ý lấy lý làm cửa ngõ. Trong ba pháp tạm thời chỉ ra Thể của Thừa lấy đó làm chân tánh. Trong Cảm thì Ngã tức là Ứng, nghĩ đến chúng sanh thì chúng sanh chính là Cảm. Phật nhãn và sáu thần thông... suy nghĩ có thể thấy trong thần thông thì sáu điềm lành lại nêu ra nhập định. Trong phần thứ ba sanh khởi có hai: Đầu là chính thức sanh khởi; tiếp từ “Tiền ngũ...” trở xuống là kết thành. Tự hành Hóa tha đều có trước sau, cho nên biết tâm - Phật - chúng sanh đều có ý này. Tiếp đến trong phần chính thức giải thích, có mười văn không giống nhau.

Thứ nhất giải thích về Cảnh: Đầu là nêu ra chương; tiếp là nêu ra số, tiếp là ý về số, sanh khởi, sau là giải thích rộng ra. Trong phần Sanh Khởi, trước là chính thức sanh khởi, tiếp từ “Thử dùng...” trở xuống là kết luận nêu ra, bắt đầu từ Vô minh tức là thứ nhất trong mười hai nhân, thật tế tức là Nhất Đế. Đầu tiên trong phần chính thức sanh khởi, nói rằng thứ nhất là Như Thị kinh này đã nói, đây là cảnh Thật Tướng của kinh này, lại là văn về ba Diệu của một Bộ. Tiếp là cảnh Nhân Duyên, tuy nêu ra duyên sanh diệt của ba đời, mà ba loại dưới đây lấy ba đời làm căn bản. Tiếp đến Tứ Đế là nêu ra nhân quả ấy khiến cho tu Đạo Diệt, không phải Đức Phật xuất thế làm sao biết tên gọi này? Khổ Tập là Tục - Đạo Diệt là Chân, văn còn lại có thể thấy. Tiếp đến trong phần chính thức giải thích về nhân duyên, tự phân thành bốn chương: Một. Nêu ra bốn chương; Hai. Giải thích. Trong phần giải thích: Trước là cùng nêu ra giới nội giới ngoại đều có hai loại để xác định căn tánh, tiếp là giải thích. Trong phần giải thích, có ba: Một. Trở lại thiết lập hai căn lợi độn của giới nội; Hai. Dẫn luận; Ba. Giải thích. Trong phần giải thích, có hai: Trước là chọn lựa, tiếp là giải thích. Trong phần chọn lựa nói Tự Tại Thiên, ấy là tất cả ngoại đạo thấy đều kính trọng hưởng về ba bậc Tiên, hai bậc Thiên như trong Chỉ Quán quyển thứ mười ghi lại. Thế tánh ấy là suy nghĩ thành hai mươi lăm Đế, như trong Chỉ Quán quyển thứ mười ghi lại. Vì trần ấy là suy nghĩ đối với các trần hòa hợp mà tạo thành. Bởi vì người ngoại đạo không biết vốn là duyên của nghiệp lực. Từ “Thử chánh...” trở xuống là chính thức giải thích. Trong phần giải thích phân làm hai: Trước là chính thức giải thích; tiếp

là liệu giản. Đầu trong phần chính thức giải thích có bốn: Một. Sơ lược thiết lập; Hai. Dẫn chứng; Ba. Trình bày về sai lầm; Bốn. Giải thích tên gọi. Văn phần đầu, vì biết vô minh tạo thành cho nên không giống như ngoại đạo chấp trước. Tiếp trong phần dẫn chứng, có ba: (a). Dẫn ra; (b). Giải thích; (c) Kết luận. Trong văn phần đầu chẳng phải tự tại ấy là trong các tà chấp tạm thời nêu ra cái chấp thứ nhất. Tiếp từ “Vô minh...” trở xuống là giải thích. Từ “Đương tri...” trở xuống là kết luận. Phần ba từ “Nhân Thiên...” trở xuống là trình bày về sai lầm, lại có hai: Trước là đưa ra sai lầm, tiếp là dẫn văn Anh Lạc chứng minh. Nói rằng kinh lại xưng là..., sanh rồi lại sanh, sanh nối tiếp sanh mãi không thôi, cho nên nói là mười hai loại liên lụy. Từ “Thử thập nhị...” trở xuống là giải thích tên gọi. Mới nối tiếp mới chỉ là niệm niệm theo nhau dấy khởi. Tiếp theo trong phần liệu giản nói trong kinh Anh Lạc nói vô minh duyên hành sanh khởi mười loại là một trăm hai mươi chi ấy, theo quyển thứ bốn kinh ấy giải thích về mười hai nhân duyên rằng: “Từ Vô minh duyên Hành thì sanh ra mười hai chi, cho đến Hữu duyên sanh ra Lão Tử thì sanh khởi mười hai chi”. Đã dùng hai Chi vị lai hợp lại mà nói, thì bắt đầu từ vô minh đến Lão Tử có mười một loại, mười một loại này chỉ mười loại trung gian mới từng loại một đều sanh khởi mười hai chi, cho nên mười loại trung gian có một trăm hai mươi chi. Nếu dựa vào văn này thì thành một trăm ba mươi hai Chi, bởi vì khai mở sanh tử làm thành hai loại, tuy khai hợp không như nhau mà ý chính không sai khác. Nay tuy khai mở sanh tử mà kết luận số dựa theo kinh, vì vậy chỉ nói một trăm hai mươi chi. Ban đầu là ngu si... đã là mười hai chi lấy Vô minh làm căn bản, mỗi một Chi lại có đủ mười hai chi, nên biết rằng từng Chi từng Chi một đều có đủ vô minh cho đến Lão Tử. Duyên khởi duyên sanh ấy là trước tiên hỏi vậy. Từ “Thử đồng thị...” trở đi là trả lời. Trong Bà Sa Tạp Kiên Độ hỏi rằng: Duyên khởi duyên sanh có gì sai biệt? Văn ấy trả lời rằng: Hoặc có thuyết cho rằng không có gì sai biệt. Tại sao? Bởi vì như kinh Già-la-na giải thích: “Nói đến duyên khởi pháp thì tất cả đều là pháp hữu vi. Sao nói là duyên sanh? Tất cả duyên sanh cũng là pháp hữu vi”. Nay văn lược nói rằng bởi vì cùng là pháp hữu vi. Cũng có sai biệt mà Luận ấy nói nhưng cũng có sai biệt, bởi vì có thuyết cho rằng nhân là duyên khởi, quả là duyên sanh. Như nghĩa nhân quả thì Sự, sở sự, Tướng, sở tướng, Thành, sở thành, Tục, sở tục, Sanh, sở sanh, Thủ, sở thủ cũng như vậy, Sự như nhân, sở sự như quả, cho đến Thủ cũng như vậy. (Trong Luận ban đầu chỉ nói nhân quả, tiếp đến khai mở đối với hai nhân quả). Lại có thuyết cho rằng quá

khứ là duyên khởi, hiện tại là duyên sanh (không nói đến vị lai). Lại có thuyết cho rằng hiện tại là duyên khởi, vị lai là duyên sanh (không nói đến quá khứ). Nay văn lược không có hai cách giải thích này. Lại có thuyết cho rằng Vô minh là duyên khởi, chính là cách giải thích thứ hai của văn này. Lại có thuyết cho rằng Vô minh là duyên khởi, chính là cách giải thích thứ hai của văn này. Lại có thuyết cho rằng Vô minh là duyên khởi, lão tử là duyên sanh, mười Chi là duyên khởi duyên sanh (Nay văn không có cách giải thích này). Nhưng Tôn giả Phú-na-xa giải thích thuận theo bốn câu (Đầy đủ như văn này). Trong bốn câu thì câu đầu lấy Chi quả vị lai làm duyên khởi... ấy, nghĩa là nhân luôn luôn dấy lên quả chứ không phải quả sanh ra nhân; lấy quá khứ làm duyên sanh... ấy. Bởi vì nhân luôn luôn sanh ra quả chứ không phải quả dấy khởi nhân, A-la-hán quả không trở lại phát khởi nhân, câu thứ ba ấy nghĩa là đã loại trừ tướng của hai câu trước, chọn lấy quả quá khứ hiện tại và còn lại năm Chi hiện tại của phàm phu... Đây là luận về văn của các Sư giải thích khác nhau không cần phải kết hợp với nhau. Tiếp theo dẫn kinh Pháp Thân giải thích cùng với văn Luận như nhau, nhân là duyên khởi tức là Vô minh, từ nhân mà phát sanh tức là Hành. Hòa hợp nghĩa là kết nghiệp thành tựu; từ hòa hợp sinh ra, gọi là Thức... đều là vậy, Ái - Thủ cho đến Lão Tử cũng lại như vậy. Nói Trung đạo ấy là xa rời Đoạn - Thường mà thôi. Văn Luận còn nói “Lại nữa, Khởi, sở khởi...” giống như trước. Tiếp theo trong phần mở rộng ba đời đều có mười hai chi, là suy ra nhân biết được quả đều giống như văn này đã nói. Ba đời đều gọi là nhân quả, mà số chi nhiều ít khác nhau, đầy đủ như Câu Xá Luận nói, lược quả là lược nhân, căn cứ vào trong đó có thể so sánh cả hai, như Chỉ Quán thứ ba có ghi. Hiện tại đã hưởng về quá khứ và vị lai trở thành mười hai chi, nên biết rằng quá khứ và vị lai cũng tự hưởng về với nhau đều có quá khứ, vị lai cho nên đều có hai mươi một Chi. Nay tạm thời thuận theo hiện tại cho nên chỉ có mười hai chi. Tiếp theo giải thích về thức tâm quyển thuộc trong mười hai thời, nghĩa là ba ấm vậy. Văn Luận lại hỏi sao nói là có đủ ba Thọ trước?

Đáp: Ba Thọ đều luôn luôn làm duyên cho Ái. Ái có năm loại là gì? Một là Ái cầu Lạc Thọ đối với lạc thọ chưa sanh, muốn làm cho phát sanh nên là Ái. Hai là Ái không muốn xa lìa lạc Ái đối với lạc thọ đã sanh không muốn xa lìa cho nên sanh Ái. Ba là Ái không sanh Khổ đối với khổ thọ chưa sanh muốn khiến không sanh cho nên sanh Ái. Bốn là muốn lập tức xa lìa Khổ, đối với Khổ thọ đã sanh, muốn làm cho mau chóng diệt trừ cho nên sanh Ái. Năm là Ái ngu si đối

với không khổ không lạc chưa sanh muốn làm cho chưa sanh thì không sanh, đã sanh muốn khiến cho không mất cho nên sanh Ái. Bởi vì nghĩa này cho nên ba Thọ duyên với Ái. Hỏi: Ái và Thủ khác nhau thế nào?

Đáp: Ái thêm nhiều gọi là Thủ. Lại có nơi giải thích: Dưới thấp gọi là Ái, trên cao gọi là Thủ. Lại có nơi giải thích: Nếu Ái luôn luôn sanh ra phiền não thì gọi là Thọ duyên Ái, nếu Ái có thể sanh ra nghiệp thì gọi là Thủ. Tiếp theo giải thích về một sát na, Câu Xá Luận cũng nói bốn thứ liên tục trôi buộc, sát na là một trong số đó. Đây đủ như trong Chỉ Quán quyển thứ bảy ghi. Tiếp theo trong phần liệu giản hỏi đáp, Luận lại hỏi vì sao không thiết lập Bệnh làm chi? Đáp: (Đây đủ như văn này) Chúng sanh Dục giới còn có người như Bạc Câu La, hướng là Sắc giới - Vô Sắc giới cho nên không lấy Bệnh là Chi. Theo ví dụ thì Lão cũng không phải là tất cả thường có cho nên không thiết lập làm chi.

Hỏi: Ưu Bi có phải là Chi hay không?

Đáp: Lấy sau hiển bày trước, trước gọi là Lão Tử, sau gọi là Ưu Bi, bởi vì thấy Ưu Bi ắt phải có Lão Tử, Ưu Bi đã là khổ thì Lão Tử chắc chắn là Khổ. Lại nói các pháp Ưu Bi tàn hoại có Chi, giống như sương phủ mưa rơi, vì thế chẳng phải là Chi. Luận lại hỏi: Ba tướng hữu vi tại sao chỉ có Sanh tướng là một Chi? Hai pháp Lão Tử lại cùng làm một Chi? Tôn giả Ba Xa nói rằng Phật biết pháp tướng không có ai có năng lực hơn được. Lại có người giải thích: Sanh luôn luôn làm cho pháp thành lập, Lão Tử khiến cho pháp không thể tồn tại. Lại có người giải thích: Lúc pháp dấy khởi thì xu thế của Sanh có tác dụng hơn hẳn, lúc pháp hoại diệt thì xu thế của Lão Tử có tác dụng hơn hẳn. Luận lại hỏi: Vô minh có nhân tố không giống nhau (Đây đủ như văn này), nếu có tại sao không thành lập mười ba hay mười bốn Chi? Nếu không có thì tại sao vô minh không phải là không có nhân, Lão Tử không phải là không có quả chẳng?

Đáp: Phải giải thích thuyết đó rằng: Vô minh có nhân, Lão Tử có quả, nhưng không có ở trong Chi, tại vì sao? (còn lại như văn nay). Lại có người giải thích: Vô minh có nhân gọi là Lão Tử... Như trong văn. Văn liệu giản ấy lại dựa theo số tăng để giải thích mười hai duyên. Nên biết rằng có một loại pháp duyên khởi, gọi là tất cả các pháp hữu vi. Lại có hai loại pháp duyên khởi, gọi là nhân - quả. Lại có ba loại pháp duyên khởi, gọi là phiền não - nghiệp - khổ. Lại có bốn loại pháp duyên khởi, gọi là vô minh, hành, sanh, lão tử, bởi vì tám Chi hiện tại thâm nhiếp vào quá khứ và vị lai. Lại có năm loại pháp duyên khởi, gọi là ái, thủ, hữu, sanh, lão tử, bởi vì bảy Chi quá khứ hiện tại thâm nhiếp vào

hiện tại và vị lai. Lại có sáu loại pháp duyên khởi, đó là ba đời đều có hai gọi là nhân - quả. Lại có bảy loại cho đến mười một loại, trong văn không nêu ra, chỉ nơi kinh khác, văn nói số tăng trong Đại Kinh quyển thứ mười bốn giống như trong Bà Sa Luận. Văn tiếp theo lại liệu giản.

Hỏi: mười hai chi này có mấy Chi là Dục giới - Sắc giới - Vô Sắc giới?

Đáp: Có nơi nói chỉ có Thai sanh Dục giới có đủ mười hai chi; có nơi nói Dục giới mười hai chi - Sắc giới mười một Chi - Vô Sắc giới mười Chi, Sắc giới nên nói là Thức duyên Lục Nhập, Vô Sắc giới nên nói là Thức duyên xúc; bình xét điều ấy nói là: Nên giải thích rằng Tam giới đều là mười hai chi.

Lại hỏi: Như Sắc giới và Vô Sắc giới không có Danh Sắc sao nói là có đủ mười hai chi?

Đáp: Như chúng sanh mới sanh đến Sắc giới thì các căn chưa nhanh nhạy lắm gọi là Danh Sắc, Vô Sắc giới tuy không có Sắc mà lại có Danh, cho nên nói tuy không có Sắc căn mà có Ý căn. Điều ấy thuận theo nên nói rằng Thức duyên Danh, Danh duyên Ý Nhập, Ý Nhập duyên xúc. Bởi vì nghĩa này cho nên tất cả có mười hai chi.

Còn trong Bà Sa Luận thì Tỳ bà xà bà đề nói là Vô sắc có Sắc, hoặc Dục đa đề bà nói là Vô Sắc không có Sắc, điều nào là đúng?

Đáp: Trong Kinh Phật nói Danh Sắc duyên Thức cũng phải có Sắc, còn kinh khác nói Thọ, Noãn và Thức cả ba pháp thường thuận theo nhau. Vô Sắc đã có Thọ, Thức sao nói là không có Noãn? nhưng các Tỳ-kheo khác nói là trừ ra bốn ấm, nói Thức có sanh tử đến đi thì không phải như vậy, như từ Dục giới sanh đến Vô sắc giới, trải qua hai-bốn-sáu-tám vạn kiếp đoạn dứt Sắc, về sau sanh vào Dục giới vẫn phát sinh Sắc căn, đi vào cảnh giới Vô dư cang phải cùng với Hành nối tiếp, muốn khiến cho không còn sai lầm này cho nên nói Vô Sắc có Sắc.

Nói là Vô Sắc thì điều này dựa vào kinh nào?

Đáp: Kinh nói Giải thoát tịch tĩnh đi qua Sắc vào Vô Sắc, cho nên biết là Vô Sắc. Lại nói Sắc lìa Dục - Vô Sắc lìa Sắc, lìa tất cả đi vào Niết-bàn, cho nên biết là Vô Sắc. Hai điều này nói làm sao thông, điều nào là Thắng? Đáp: Nói không có ấy là Thắng. Nếu như vậy nói là có thì làm sao Thông? Đáp: Bởi vì chưa hiểu rõ nghĩa.

Hỏi: Dẫn Kinh thế nào nói là Thông?

Đáp: Dục có Danh Sắc, Vô Sắc không có, Dục có ba pháp thuận theo, Vô Sắc không có. Sắc nối tiếp thì Luận ấy có bốn câu phân biệt, Vô Sắc nối tiếp Sắc, Sắc nối tiếp Vô Sắc, hai câu còn lại có thể thấy

cho nên biết không sai lầm gì. Luận lại ví dụ về cây, hai Chi quá khứ là gốc rễ, năm Chi hiện tại có tính chất, ba Chi hiện tại là hoa, hai Chi vị lai là quả, có hoa có quả gọi là phàm phu, không hoa có quả gọi là người Học, không hoa và không quả gọi là Vô Học.

Trong phần Vô Sanh, có sáu: 1. Thành lập ý; 2. Thành lập căn; 3. Chính thức giải thích; 4. Dẫn chứng; 5. Nêu ví dụ; 6. Kết luận tên gọi. Nói một cách tổng quát chỉ là bốn câu phá bỏ Giả dẫn đến Tướng - Tánh đều Không cho nên có được tên gọi là Huyền hóa tức Không. Văn năm phần trước có thể thấy. Trong phần kết luận trước là ví dụ, tiếp là kết hợp. Trong phần ví dụ nói giống như cây mây, con rắn ấy cũng có thể dụ cho Viên môn vốn có, nay cùng dụ cho Vô Sanh phân rõ khác nhau có thể biết. Trong phần thứ ba, Sanh diệt tất tư nghị, có năm: 1. Thành lập ý; 2. Từ “Vị lợi độn...” trở xuống là cùng thành lập hai căn; 3. Chính thức giải thích; 4. Từ “Chư luận...” trở xuống là Hành tướng; 5. Kết luận tên gọi. Hai phần trước có thể thấy. Trong phần chính thức giải thích, có hai: Trước là dẫn kinh; tiếp là giải thích ý kinh. Trong phần Hành tướng, có ba: Một. Nói về chấp tánh, sơ lược thuật về hai loại chấp, hai loại còn lại có thể biết. Nói là không ẩn mất..., là từ lúc vô thủy đã có mà chưa từng đoạn tuyệt cho nên nói là không ẩn mất, không phải là tánh thiện ác cho nên nói là Vô Ký, chủng tử cất giữ kín đáo sanh ra tất cả; Hai. Từ “Nhược định...” trở xuống là sơ lược chỉ trích sai lầm về tánh, lại có hai: Đầu là sơ lược chỉ trích, tiếp là so sánh đưa ra tướng sai lầm. Đầu tiên nói nếu như nhất định chấp tánh thật có, ấy là chấp A lại da làm tự tánh thật có, chấp vô minh là tánh nơi khác, nhất định chấp tự tánh, tha tánh có thể sanh ra các pháp, pháp thì có bắt đầu, có bắt đầu cho nên giống như ở nơi sâu xa, thì ban đầu không có hai mươi lăm Đố. Nên biết rằng chấp này không ra ngoài cái chấp mà Tam tạng giáo phá trừ, há có thể trở thành nhân duyên của Biệt giáo ư? Tiếp từ “Thượng bất...” trở xuống là so sánh đưa ra có thể thấy; Ba. Từ “Kim minh...” trở xuống là chính thức thành lập Hành tướng, lại có hai: Trước là Tự phá bỏ chấp trước; tiếp từ “Nhược hữu...” trở xuống là bốn thuyết về Tha. Văn phần đầu có bốn câu mở rộng Vô minh giống như bốn câu Cầu mộng, đầy đủ như văn Chỉ Quán thứ năm, ý nơi ấy thuộc về Viên mà văn này thuộc về Biệt. Tiếp trong phần vì người khác, có ba: Pháp - Dụ và hợp. Trong phần Hợp có hai: Trước là tổng quát, tiếp từ “Xuất giới...” trở xuống là tách biệt trình bày về tướng trạng, lại có hai: Đầu là đưa ra giới nội, tiếp là giới ngoại. Nghĩa về giới nội giới ngoại này nối thông với bốn loại, cho nên nói giới nội giống như trước, tức là hai loại trước dựa vào



hai loại trước từ đầu đến cuối. Tiếp trong phần đưa ra giới ngoại, có hai: Đầu là sơ lược nêu ra, tiếp là dẫn luận giải thích tướng, lại có hai: Trước là dẫn văn Luận, tiếp từ “Duyên giả...” trở xuống là giải thích văn Luận ấy để thành tự ý này. Luận nêu ra bốn chương nay giải thích so sánh đầy đủ, trong đó có hai: Trước là chính thức giải thích; tiếp là nói về sai lầm. Trong phần đầu chính thức giải thích, có hai: Đầu là sơ lược giải thích, tiếp từ “Hoàn như...” trở xuống là cùng với giới nội phân rõ về đồng - dị. Trong phần đầu nói đến ba loại ý sanh thân, như trong Chỉ Quán quyển thứ ba ghi lại. Tiếp trong phần phân rõ về đồng - dị, có hai: Trước là trình bày về giống nhau, tiếp từ “Thử thập nhị...” trở xuống trình bày về nghĩa khác nhau. Tiếp theo từ “Bỉ Luận...” trở xuống trình bày về sai lầm ấy là do mười hai chi này cho nên ngăn cách với bốn đức, bởi vì không có bốn đức cho nên không thể nào đi vào nơi cõi Vô chướng ngại. Phần năm từ “Thị vi...” trở xuống là kết luận tên gọi, có thể biết. Bốn là trong phần trình bày về mười hai duyên của Viên giáo, phân thành bốn: 1. Thiết lập căn; 2. Từ “Tức sự...” trở xuống là thiết lập ý; 3. Dẫn chứng; 4. Kết luận tên gọi. Hai phần đầu giống như văn.

Trong phần dẫn chứng, có ba: Một. Dẫn chứng; Hai. Từ “Vô minh...” trở xuống là giải thích; Ba. Từ “Cố ngôn vô minh...” trở xuống là kết luận. Phần đầu, trong Đại Kinh thì mười hai nhân duyên gọi là Phật tánh, Phật tánh chính là ba nhân. Tức là Trung đạo ấy, Đại Kinh quyển thứ hai mươi lăm nói: “Này người thiện nam! Giới hạn căn bản của sanh tử gồm có hai loại: Một là Vô minh, hai là Hữu Ái. Giữa hai loại này thì có nỗi khổ của sanh lão bệnh tử, đây gọi là Trung đạo. Trung đạo như vậy có năng lực phá tan sanh tử cho nên gọi là Trung đạo. Bởi vì nghĩa này cho nên pháp Trung đạo gọi là Phật Tánh”. Chương An giải thích rằng; Trung gian chỉ có Thức... làm sao nói là Lão Tử? Đáp: Văn dưới nói Thức đời hiện tại gọi là Sanh đời vị lai, Lục Nhập... hiện tại gọi là lão Tử vị lai, lại làm thành ba Đức, ba quán để hướng về ba Đạo. Còn như trong kinh Bảo khiếp giải thích về mười hai chi, mỗi một Chi đều trình bày về nghĩa của ba quán, phẩm Khứ Lai trong kinh ấy: “Văn Thù thưa với Đức Phật: Khứ lai là nghĩa thế nào? Đức Phật dạy: Lai là nghĩa hướng về, Khứ là nghĩa rời xa, không hướng về không xa rời là nơi chốn của Thánh Hạnh. Si là nghĩa của khứ, không Si là nghĩa của Lai, chẳng phải Si chẳng phải không Si là nơi chốn của Thánh Hạnh, cho đến Lão Tử cũng như vậy”. Nhưng dựa theo Ngã, Vô Ngã, Thường - Vô Thường... đều giải thích theo cách này, nên biết rằng hướng về là sanh tử, rời xa là Niết-bàn, không hướng về không rời xa tức là Trung đạo. Lại trong

phẩm Trung đạo ở đoạn văn sau nói: “Đức Phật thuyết về Trung đạo không có hai pháp, Nhị thừa cho đến phàm phu cũng có thể phát sinh niềm tin. Đức Phật bảo với Văn Thù: Minh và Vô minh không có hai cho nên thành tựu Trí không có ba trí. Đây gọi là Trung đạo đầy đủ chân thật quán đối với ba Đế, cho đến Lão Tử cũng lại như vậy”. Lại nói: “Nếu vô minh có ấy là một bên, không có ấy là một bên, xa lìa hai bên này ở giữa không có Sắc tướng có thể thấy, không hình tướng không đối đãi thì gọi là Trung đạo, cho đến Lão Tử cũng lại như vậy”.

Hỏi: Trung đạo là nghĩa gì?

Đáp: trong kinh Mạt Đà Ma tự chú thích rằng: “Mạt là nghĩa Đưng, Đà Ma là nghĩa ở giữa (Trung), đưng đấm theo Trung đạo gọi là Mạt đà ma”. Giải thích có thể thấy. Tiếp đến trong phần phân định: Trước là thuật lại, tiếp là phân định, sau là kết luận. Trong phân định: trước là bốn Giáo, tiếp là năm Vị. Phần đầu là bốn Giáo, lại có hai: Trước là nêu ra, tiếp là phân định. Trước là nêu ra tức là lần lượt thay nhau đưa ra khéo léo và vụng về cuối cùng mới Diệu. Trong phần đầu là Tam Tạng giáo, tiếp từ “Nhược vô minh...” trở xuống là Thông giáo, tiếp từ “Nhược vô minh...” trở xuống là Biệt giáo, tiếp từ “Nhược ngôn...” trở xuống là Viên giáo. Mỗi một Giáo đều trước là giải thích, tiếp là dẫn kinh luận chứng minh thành tựu có thể thấy. Thứ nhất trong Tam tạng giáo, từ ba sanh ra hai gọi là phiền não sanh ra ba nghiệp, từ hai sanh ra bảy nghĩa là nghiệp sanh ra khổ, từ bảy sanh ra ba nghĩa là khổ sanh ra phiền não, vốn là ba đời hợp lại mà nói vậy. Tỳ Già La Luận như xuống dưới quyển thứ sáu ghi lại. Tiếp từ phân định có thể thấy năm vị như văn. Văn kết luận có thể thấy. Tiếp trong phần khai mở phân làm hai: Đầu là tổng quát nói về ba thô, tiếp là chính thức khai mở, lại có hai: Một là khai mở hai nhân duyên trước đây, tiếp là khai mở nhân duyên thứ ba. Phần đầu lại phân làm bốn: 1. Sơ lược khai mở; 2. Dẫn Tín Giải ví dụ; 3. Từ “Như Lai...” trở xuống là giải thích; 4. Kết luận. Phần đầu như văn. Trong phần hai dẫn phẩm Tín giải đầy đủ như trong phẩm giải thích, nói thành vật của Cùng Tử ấy vốn là vật của Trưởng Giả, nghĩa là tánh Như Lai tạng của người con không khác cho nên nói là vật của người con. Nên biết rằng Như Lai vốn có thì người con vốn có, cho nên tất cả các pháp đều là Đại thừa. Lại trong Đại Kinh hai mươi lăm nói: “Này người thiện nam! Quán mười hai nhân duyên, trí tuệ là chủng tử A nâu đa la Tam Bồ-đề. Bởi vì nghĩa này cho nên mười hai nhân duyên gọi là Phật Tánh”. Lại nói: “Tất cả chúng sanh tuy cùng đi chung với mười hai nhân duyên mà không biết. Bởi vì không biết cho nên không

hề có trước sau. Bồ tát Thập Trú chỉ thấy điểm cuối cùng mà không thấy điểm bắt đầu. Chư Phật Thế Tôn thấy bắt đầu, thấy kết thúc. Bởi vì nghĩa này cho nên Phật thấy hết sức rõ ràng; chúng sanh không thấy, vì vậy mà luân chuyển”. Từ “Như Lai...” trở xuống là giải thích ý. Tiếp từ “Kim quyết liễu” trở đi tức là khai mở, hai loại nhân duyên luận về Diệu là kết luận. Hai giáo trước tuy có Phật và Bồ tát nhưng phần lớn phân định đều thuộc về pháp của Nhị thừa, cho nên nay quyết định rõ ràng chính là khai mở hai loại mười hai duyên của Tạng và Thông giáo kia vậy. Tiếp là trong phần khai mở nhân duyên thứ ba, có hai: Trước là sơ lược dẫn ra Đại Kinh trình bày về khai mở, tiếp là kết luận. Văn phần đầu có hai: Trước là dẫn Kinh; tiếp từ “Tích tuệ nhãn...” trở xuống là giải thích ý kinh, lại có hai: Một là giải thích; hai là từ “Cố vân...” trở xuống lại dẫn văn kinh để chứng minh điều giải thích. Nói tuệ nhãn nhìn thấy nhưng mà không sáng tỏ rõ ràng, đây là phần vị tuệ nhãn của Thập Trú Biệt giáo, hoàn toàn chưa thấy tánh gọi là không rõ ràng. Nhưng nếu như dựa theo Thật đạo thì ngay cả thấy tánh tương tự cũng có thể gọi là thấy không sáng tỏ rõ ràng. Nay đều khai mở điều ấy khiến cho thấy được Bất không. Từ “Thử tức...” trở xuống là kết luận, đây chính là khai mở Biệt giáo cho nên nói là thứ ba. Trong phần thứ tư là quán tâm, có ba: 1. Pháp; 2. Từ “Thí như...” trở xuống là ví dụ; 3. Từ “Nhất niệm...” trở xuống là kết luận về phần vị. Văn phần đầu có hai: Trước là thành lập; tiếp là dẫn chứng. Trong phần dẫn chứng có hai: Một là dẫn chứng; hai là từ “Không tuệ” trở xuống giải thích ý kinh. Tiếp trong phần ví dụ, có hai: Trước là ví dụ, tiếp từ “Ký bất vi...” trở xuống là hợp lại đầy đủ bốn đức. Trong phần kết luận, có bốn: 1. Kết luận thành tựu về quán cảnh; 2. Từ “Quán thử...” trở xuống là kết luận thành tựu về quán của Năng quán; 3. Từ “Kỳ tâm...” trở xuống là kết luận thành tựu bí tạng; 4. Từ “Hằng tác...” trở xuống là kết luận thành tựu về Lục Tức Vị.

Thứ ba giải thích về cảnh Tứ Đế tự phân làm bốn phần tách biệt. Văn phần đầu tự phân làm hai: Trước là trong phần đưa ra người khác giải thích, lại có hai: Một là thuật lại, hai là sơ lược gạt bỏ. Văn phần một, có Sư Thắng Man giải thích nghĩa Thánh đế trong kinh ấy gọi là Vô biên. Kinh ấy chỉ so sánh phân rõ cùng với Nhị thừa cho nên chỉ có thể thành lập tên gọi Tác - Vô tác. Người xưa đã không có sự phân định giải thích về bốn Giáo, chỉ dùng Đại - Tiểu tương đối để trình bày về Đế, nhưng Sư Thắng Man ở trong Đại thừa, chỉ dùng Phật quả để làm cứu cánh thì đối với Nhị thừa gọi là Hữu tác, Kinh văn tự lấy Hữu Lượng chuyển sang giải thích về Hữu tác. Nhị thừa đã là Hữu Lượng Hữu tác,

nên biết rằng Đại thừa chỉ là Vô lượng Vô tác. Tiếp theo tức là phân định giải thích, dựa theo Hành, Lượng nghĩa là số lượng cho nên thuộc về Pháp. Hành Tiểu thừa chưa cùng tận thì không gọi là Vô tác, Pháp chưa cứu cánh thì không gọi là Vô lượng. Kinh nói ấy cũng là Kinh Thắng Man vậy. Dựa vào kinh trở lại giải thích về Tác - Vô tác... Kinh ấy nói: “Có hai loại nghĩa về Thánh Đế, đó là Hữu tác và Vô tác. Hữu tác là Hữu lượng Tứ Thánh đế. Tại vì sao? Bởi vì không dựa vào người khác biết mà chính mình biết tất cả các Khổ, đoạn tất cả các Tập, chứng tất cả các Diệt, tu tất cả các Đạo”. Nay văn loại bỏ chữ Phi (không) trên thay chữ Năng (Chính mình) dưới thành chữ Phi ấy, là ý biểu lộ Tiểu thừa thuận theo giáo mà đạt được. Kinh nói không dựa vào người khác mà biết, là ý biểu lộ sự chứng đạt không phải từ người khác mà có được. Tự biết pháp của mình cũng có thể phân biệt gọi là chính mình biết tất cả. Nay phần đầu trước tiên giải thích về Hữu tác, nói dựa vào người khác mà biết, ấy là Nhị thừa đã chưa có thể nghe nổi lý pháp giới, chỉ thuận theo Phật mà nghe Thanh giáo Tứ Đế, dựa vào giáo này thực hành biết được là Hành Hữu tác Hạnh. Tiếp theo giải thích về Hữu Lượng, trên đây chỉ nghe về pháp Tiểu thừa thâm nhiếp pháp không rộng rãi cho nên nói không biết được tất cả. Nên biết rằng hai loại Hành - Pháp biểu hiện lẫn nhau cùng tác thành người hàng Tiểu thừa vậy. Tiếp theo giải thích về Vô tác Vô lượng, là đối với Tiểu thừa bày về Đại cho nên nói là Vô tác Vô lượng. Kinh nói rằng: “Vô tác Thánh Đế ấy, tức là Vô lượng Tứ Thánh Đế. Tại vì sao? Bởi vì tự biết tất cả các Thọ Khổ, tất cả các Thọ vậy, tu tất cả các Đạo, chứng tất cả các Diệt. Nghĩa về Tứ Thánh Đế như vậy, chỉ có bậc Chánh Giác mới hiểu thấu triệt, không phải hàng Nhị thừa hiểu thấu triệt được”. Người xưa không nhìn nhận rõ ràng trong kinh nói chỉ có bậc Chánh Giác thì suy ra là quả vị cao nhất, đây là nói về Giáo Đạo của Biệt giáo chứ không phải là Sơ phát tâm, suy cho cùng không phân biệt. Trong đó trước tiên giải thích về Vô tác, Phật nhận biết đã đầy đủ không thể nào tiếp tục tạo tác cho nên gọi là Vô tác, Từ “gắng sức nhận biết...” trở đi là giải thích lại. Có hai nghĩa cho nên gọi là Vô tác, đối tượng nhận biết tất cả thì thuộc về Pháp là Vô lượng. Đây là Hành, Pháp Đại thừa phối hợp thành tự người hàng Đại thừa. Tiếp theo nói giải thích như vậy, tuy xưng lên bốn tên gọi ấy mà sơ lược kết luận để gạt bỏ; nói Tác Vô tác, Lượng Vô lượng chỉ thành hai nghĩa ấy là hai nghĩa về Đại - Tiểu. Ở đây tạm thời sơ lược gạt bỏ, về sau giống như mở rộng để phá bỏ. Tiếp đến trong phần chính thức giải thích về bốn loại Tứ Đế gồm có nêu ra và giải

thích. Trong phần giải thích có hai: Trước là chính thức giải thích, tiếp là phá bỏ giải thích xưa. Trước là trong phần chính thức giải thích, có ba: Một là cùng dựa vào Chánh giáo, hai là trình bày ý thiết lập pháp sai biệt, ba là chính thức giải thích. Văn phần đầu nói nghĩa ấy trích từ phẩm Thánh Hạnh trong kinh Niết-bàn, ấy là quyển thứ mười hai trong kinh mở rộng trình bày về Thánh Đế, nay phần nhiều dựa vào nơi ấy. Nhưng trong Thánh Hạnh trình bày nghĩa Tứ Đế bao gồm cả Đại - Tiểu, nếu giải thích về sanh diệt và Vô lượng thì văn ấy rõ ràng dễ thấy, Vô Sanh và Vô tác thì vẫn có phần kín đáo sơ lược, đầy đủ như Chỉ Quán quyển thứ nhất ghi lại. Nhưng văn về Tam Tạng - Tứ Đế trong kinh văn ấy, phần giữa chỉ trình bày sơ lược về bốn loại Tứ Đế, văn sau giải thích rộng ra mà thôi. Đầy đủ như Chỉ Quán quyển thứ nhất ghi lại. Văn phần tiếp theo, hỏi: Vì sao thiết lập bốn loại Tứ Đế khác nhau? Đáp: Đế vốn không có bốn, Đế chỉ là Lý. Lý hãy còn không có một sao nói là có bốn? Vì thế biết rằng dựa vào Như Lai tạng đồng thể quyền thật, dựa vào Đại Bi lực vô duyên thế nguyện, vật cơ đã bao phủ không giữ lấy mà có sử dụng, cơ nghi không giống nhau khiến cho pháp thành lập sai khác. Từ một Thật Lý khai mở thành Quyền Lý, hai lý Quyền Thật luôn luôn nối thông mà giáo thì lại khác nhau, cho nên có bốn loại Giáo sai biệt phát khởi, Niết-bàn Thật về sau tạm thời dùng trợ giúp cho Viên giáo, vì vậy cần phải sử dụng đầy đủ Sự Lý Thiên Viên. Vì thế nay dẫn ra để hiển bày chứng minh đích xác, ba Thiên một Viên giới nội giới ngoại đều là Sự Lý như nhau cho nên thành ra loại. Văn trong phần chính thức giải thích tự phân thành bốn. Đầu là trình bày về Sanh diệt Tứ Đế, lại phân làm năm: 1. Lập thành tên gọi cùng thuận theo; 2. Từ “Nhiên khổ tập...” trở xuống trình bày nguyên cơ lập thành bốn loại; 3. Từ “Tập tâm...” trở xuống là giải thích về tướng; 4. Từ “Thứ đệ...” trở xuống là trình bày về thứ tự thiết lập; 5. Từ “Thánh giả...” trở xuống là giải thích tên gọi. Sơ giải thời cận đại đều đem giải thích tên gọi đặt ở đầu tiên, tiếp theo đưa ra Thể, phân rõ Tướng. Thành lập nghĩa của một tông phái này không lấy phần giải thích tên gọi... làm quan trọng mà chỉ coi trọng ở nguyên cơ thiết lập ý, đạt được Tông yếu của kinh làm sáng tỏ quán hạnh cùng quay về. Nếu giải thích về đương cơ thuyết pháp ở kinh khác, một xứ, một hội, một môn, một hành, hễ vâng chịu là đi vào cùng lợi ích cùng thích hợp, vì thế hoặc là Đế, hoặc là Duyên, hoặc là Độ, hoặc là Phẩm thì văn ấy đều thông hiểu. Nếu dựa vào Pháp Hoa hễ là giải trừ một nghĩa thì đều trộn lẫn với một thế hệ cùng tận đầu đuôi giáo pháp ấy, thiết lập khai mở phế bỏ các tướng của giáo quán, vậy thì

người thuyết giảng thật sự đạt được chánh giáo của Pháp Hoa, người thực hành thật sự đạt được chánh lý của kinh này, giáo - hành - tướng tuân theo ý chỉ của Phật ở tại nơi này, vì vậy mỗi một nghĩa về sau đều trước tiên là phân biệt, tiếp là trình bày về khai mở rõ ràng. Tiếp theo dựa vào quán tâm. Giải thích kinh như vậy gọi là hoằng giáo. Năm ý không giống nhau văn phần đầu có thể thấy. Phần thứ hai là ý, Khổ Tập chỉ là một pháp thế gian, Đạo Diệt chỉ là một pháp xuất thế gian. Trong phần thứ ba giải thích về tướng, có hai: Giải thích và kết luận. Trong phần giải thích toàn bộ có ba văn. Đầu là tạp tâm, ấy là tánh nhân quả của pháp thế gian và pháp xuất thế gian khác nhau, mà nhân chắc chắn hưởng về quả, nhân quả khác loại vì thế khiến cho bốn loại khác nhau. Tiếp là Đại Kinh, ám nhập là phần gánh nặng mà phạm phu không bỏ - Nhị thừa không gánh. Bồ tát bỏ rồi có thể gánh vác cho nên nói bỏ gánh nặng có thể gánh gánh nặng, tiếp cận rồi lập tức tiến lên. Ở gần kề không xa rời thường là xua đuổi, tam giới luôn luôn bị những nỗi khổ này ràng buộc, hai loại Kiến - Ái hòa hợp tụ tập cho nên dẫn đến nhậ chịu hậu quả. Đạo phẩm tuy nhiều mà các giới thâu nhiếp tất cả, vì vậy sơ lược nêu ra ba để trình bày về pháp tướng. Tám tướng sau Tứ Đế tuy khác nhau mà trừ ra Khổ Tập quán sát chỉ là các Khổ cho nên sơ lược nêu ra. Quả lấy Nhân làm gốc, Khổ lấy Tập làm gốc, Đạo Đế có năng lực trừ diệt cho nên có được tên gọi vậy. Gốc của Khổ nếu loại trừ thì Khổ ấy tự nhiên mất đi cho nên chỉ cần loại bỏ gốc rễ. Chủng tử gọi là Nhân của hai mươi lăm hữu, Quả gọi là Quả báo của hai mươi lăm hữu. Nhân nếu như diệt rồi thì Quả đó chắc chắn không còn, đương nhiên có lúc Nhân mất mà Quả của thân vẫn còn, nay từ xa mà nói cho nên nói là chủng tử của quả. Vì vậy biết rằng chỉ tu nhân xuất thế, để loại trừ nhân của thế gian, cho nên dẫn kinh Di Giáo để chứng minh cho hai nhân. Và lại, tên gọi Đế này có chung có riêng, riêng là thuộc về thân tâm, chung là dựa theo tất cả. Như trong Tứ A Hàm nói trải qua tất cả các pháp không nơi nào chẳng phải đế quán. Lại trong Bà Sa Luận, “Xả-lợi-tử vì Ma ha câu hy la thuyết về pháp đa văn, Thánh đệ tử biết món ăn như thật, biết món ăn của Tập, biết món ăn của Diệt, biết món ăn của Diệt Đạo. Sao nói là biết món ăn? Đó gọi là bốn món ăn như Đoàn thực... Sao nói là biết món ăn của Tập? Đó gọi là như đương lai cùng với Ái Hỷ Tham đều có. Sao nói là biết món ăn của Diệt? Đó gọi là như thật biết đương lai có Ái Hỷ đều tham. Mọi say mê tham trước ấy sạch không, đoạn trừ xả bỏ tất cả, xa lìa dục lạc diệt sạch không còn thì gọi là món ăn của Diệt. Sao nói là biết món ăn của Diệt Đạo? Đó gọi

là tám Chi Đạo, cho đến dựa theo tám Khổ... thấy đều như vậy”. Đây là dựa theo Hạnh nhất thực đầu tiên trong mười hai hạnh đầu đà để giải thích. Vẫn còn lại trong mỗi một duyên cho đến mười hai duyên không nơi nào không phải là Tứ Đế. Lại như trong phẩm Tứ Đế kinh Tư Ích nói: “Tứ Đế ấy, nghĩa là thế gian, thế gian Tập, thế gian Diệt, thế gian Diệt Đạo. Thế gian là năm ấm, thế gian tập là tham trước năm ấm, thế gian Diệt là năm ấm không còn, dùng pháp không hai để cầu năm ấm gọi là thế gian Diệt Đạo”. Còn trong Bà Sa luận nói Thế tánh Tứ Đế thì ấy là thế nào? Đáp: A-tỳ-đàm giải thích điều ấy như vậy: “Năm thủ ấm là Khổ đế, hữu lậu nhân là Tập đế, sở duyên diệt là Diệt đế, pháp học vô học là Đạo đế”. Ví dụ thì giải thích như vậy: Sắc là Khổ đế, phiền não nghiệp là Tập đế, phiền não nghiệp diệt là Diệt đế, định tuệ là Đạo đế. Chánh lượng bộ trong A-tỳ-đàm khác với Sư là ví dụ ấy, Tỳ bà xà bà đề giải thích: Tám Khổ là Khổ là Khổ đế, pháp hữu lậu khác là Khổ chẳng phải Khổ đế, sanh ra Hữu của đời sau thì Ái là Tập là Tập đế, pháp hữu lậu khác là Tập chẳng phải Tập đế, sanh Hữu của đời sau nếu Ái không còn là Diệt là Diệt đế, tất cả pháp còn lại là Đạo chẳng phải Đạo đế. Nếu như vậy thì các vị A-la-hán chỉ thành tựu Khổ Diệt chứ không thành tựu Tập Đạo, vì sao? Bởi vì Hữu sau Ái đã đoạn trừ, bởi vì La hán chẳng phải người Học. Người học đạo thì tám chi Đạo không phải là La hán đạt được bốn loại Tứ Đế. Nghĩa theo thứ tự ấy lại có hai ý: Trước là dựa theo Giáo, tiếp là dựa theo Hành. Theo hai nghĩa này đều là trước thô sau tế. Bà Sa Luận giải thích nhiều về pháp thế gian là thô, pháp xuất thế gian là đế cho nên trước trình bày về thế gian, dựa theo pháp thế gian và xuất thế gian đều luận về nhân quả, quả trước nhân sau ấy là bởi vì quả thô nhân tế. Phần năm từ “Thánh Đế giả...” trở xuống là giải thích tên gọi, Thánh ấy là Chánh vậy. Con người đã là Thánh pháp xuất thế, từ nơi so sánh với Tà mà lập thành tên gọi vậy. Đế có ba cách giải thích nhưng chú thích là vân vân, ấy là trước không nêu ra tên gọi, tiếp đến giải thích thẳng thắn rằng tự tánh không hư giả cho nên bốn Tánh đều chân thật. Nghĩa tiếp theo đầy đủ như kinh Di Giáo nói do thấy Đế cho nên đạt được pháp không điên đảo. Đã nói là Thánh Chánh cho nên người thấy không có gì trái ngược. Nghĩa thứ ba nói có thể lần lượt nêu ra cho người khác, ấy là căn cứ vào hai nghĩa trước làm nhân cho nên Tự hành đầy đủ, thì có năng lực chuyển vận pháp luân Tứ Đế. Lại trong hai nghĩa trước bởi vì căn cứ vào bốn tánh này là chân thật, có năng lực khiến cho người thấy đạt được tự giác ngộ không điên đảo. Giác ấy là Đế Trí vậy. Vì thế biết rằng bốn pháp đều

cần phải nhận biết tướng tận. Nhưng lúc chuyển pháp luân đối với mỗi một Đấng đều phát sanh bốn hạnh, gọi là Nhân Trí Minh Giác. Nay lời văn giản lược cho nên chỉ nói là Giác. Vì thế Luận Bà Sa nói: “Đấng là nghĩa gì? Đáp: Xem xét nghĩa là nghĩa của Đấng, nghĩa chân thật, nghĩa không điên đảo, nghĩa không sai khác là nghĩa của Đấng”. Nay văn kết hợp hai nghĩa đầu thành ra xem xét chân thật không sai khác cho nên chỉ có ba nghĩa. Tên gọi thứ hai cùng với tên gọi trong Luận giống nhau. Tên gọi thứ ba ấy là như nói Khổ ta đã biết không có gì biết thêm nữa, như ông đã đạt được cùng với ta không khác nhau; ví dụ còn lại có thể biết. Tiếp theo là phần Vô Sanh, lại phân làm bốn: Một. Đạt được tên gọi; Hai. Từ “Khổ...” trở xuống là giải thích về tướng; Ba. Từ “Hựu vô sanh...” trở xuống là kết luận tên gọi; Bốn. Từ “Thánh Đấng...” trở xuống là chỉ ra rộng rãi. Văn phần đầu ấy là thuận theo Lý giới nội để thiết lập tên gọi. Tiếp trong phần giải thích, có hai: Trước là giải thích; tiếp là dẫn chứng. Văn phần đầu theo các kinh như Tư Ích... Như kinh Tư Ích nói: “Vô sanh Tứ Đấng là biết Khổ không sanh ra gọi là Khổ Thánh Đấng, biết Tập không hòa hợp gọi là Tập Thánh Đấng, ở trong tận cùng Diệt không sanh ra gọi là Diệt Thánh Đấng, đối với tất cả các pháp bình đẳng không khác nhau gọi là Đạo Thánh Đấng”. Nay nói Khổ không còn bức bách, là đối với tướng Khổ bức bách của Tam Tạng giáo mà phá bỏ, vẫn còn lại dựa vào kinh, chỉ nói sơ lược mà thôi. Tiếp theo trong phần dẫn chứng nói luyện tập thuận theo Khổ Không..., ấy là trong Đại Luận 37 nói: “Tập là tu tập thuận theo Bát-nhã ba-la-mật, không ngừng không nghỉ thì gọi là tương ứng, ví như đệ tử tùy thuận lời dạy của Sư thì gọi là tương ứng”. Lại như trong Đại Phẩm: “Xá-lợi-tử hỏi Bồ tát Ma-ha-tát, làm sao tu tập tương ứng với Bát-nhã?” Luận giải thích rằng: “Xá-lợi-tử biết là Bát-nhã ba-la-mật biết có thể thọ trì, sợ rằng người thực hành sai lầm cho nên đưa ra câu hỏi này”. Trong Đại Phẩm: “Đức Phật bảo với Xá-lợi-tử: Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập thích ứng với Sắc rỗng rang (Không) thọ tưởng hành thức rỗng rang, thì gọi tương ứng với Bát-nhã, cho đến Chủng Trí cũng như vậy”. Nay giải thích về Tứ Đấng dẫn ra một khoa Tứ Đấng trung gian ấy chính là nghĩa về Thông giáo vậy. Tiếp trong phần ba là kết luận tên gọi cũng có ba: Một là sơ lược kết luận; hai là dẫn chứng; ba là chính thức kết luận. Do nhân phát sanh cho nên quả được sinh ra, vì vậy tên gọi của sanh từ nơi nhân mà có được. Do đó nay giải thích về Vô sanh bao gồm từ nhân diệt, nhân vốn không thể sanh ra huống hồ là quả ư? Vì thế nói rằng Tập Đạo tức là Không, Không cho nên chẳng sanh ra Tập Đạo. Tiếp là dẫn chứng, Tứ Đấng tức



là vốn không sanh khởi cho nên nêu ra giải thích về Khổ Vô Khổ, ba ví dụ có thể biết. Từ “Thị cố...” trở xuống là kết luận. Trong phần bốn là chỉ ra rộng rãi, trong Sanh diệt trước đây đã giải thích về tên gọi Thánh Đế và thứ tự cho nên nay sơ lược chỉ ra. Không chỉ ra theo thứ tự tức là tuy cùng Vô Sanh mà không thể không theo thứ tự, chỉ là văn giản lược thôi, Vô lượng - Vô tác theo đây có thể biết.

Tiếp theo là Vô lượng Tứ Đế, lại phân thành bốn:

1. Có được tên gọi;
2. Từ “Khổ hữu...” trở xuống là giải thích về tướng;
3. Từ “Đại kinh...” trở xuống là dẫn chứng;

4. Từ “Thị danh...” trở xuống là kết luận tên gọi. Phần đầu từ quan hệ giới ngoại để thành lập tên gọi, còn tên gọi Vô lượng thuận theo dọc, thuận theo ngang đầy đủ như sau sẽ nói. Văn phần hai có thể thấy. Phần ba là dẫn chứng, trong Đại Kinh mười hai nói: “Này người thiện nam! Trí nhận biết Thánh Đế gồm có hai loại: Một là trí bậc trung, hai là trí bậc thượng. Trí bậc trung là hàng Thanh văn - Duyên giác. Trí bậc thượng là chư Phật - Bồ tát. Này người thiện nam! Nhận biết các ấm khổ gọi là trí bậc trung, phân biệt các ấm có Vô lượng tướng trạng đều là những khổ đau, không phải các hàng Thanh văn - Duyên giác biết được thì gọi là trí bậc thượng. Các nghĩa như vậy ở kinh khác ta hoàn toàn không nói đến. Biết các Nhập là cửa ngõ cũng gọi là Khổ, biết các Giới là phần hạn cũng gọi là Tánh cũng gọi là Khổ. Biết tướng Hoại của các Sắc, biết tướng giác của Thọ, biết tướng Thủ của Tưởng, biết tướng Tác của Hành, biết tướng phân biệt của Thức (Trên đây là Khổ Đế). Biết nhân duyên của Ái luôn luôn sanh ra năm ấm (còn lại như Khổ Đế). Biết phiền não diệt trừ thì gọi là trí bậc trung, phân biệt phiền não không thể gọi là chấp trước, diệt trừ cũng như vậy không thể gọi là chấp trước (Còn lại như Khổ Đế). Biết tướng của Đạo này luôn luôn diệt trừ phiền não thì gọi là trí bậc trung, phân biệt tướng của Đạo là Vô lượng vô biên, phiền não đã xa rời cũng Vô lượng vô biên (Rộng ra như Khổ Đế)”. Cũng có thể phân biệt đối với trí bậc trung làm thành hai loại: Thanh văn thuộc về Tạng giáo, Duyên giác thuộc về Thông giáo. Trí bậc thượng phân thành hai bậc: Bồ tát thuộc về Biệt giáo, chư Phật thuộc về Viên giáo. Nay thuận theo tổng quát mà nói, tạm thời nói rằng phân biệt gọi là trí bậc thượng mà thuộc về Biệt giáo. Phần bốn là kết luận như văn. Tiếp theo là Vô tác Tứ Đế, lại phân làm bốn: 1. Có được tên gọi; 2. Từ “Dĩ mê...” trở xuống là giải thích về tướng; 3. Từ “Đại Kinh...” trở xuống là dẫn chứng; 4. Từ “Nhất thật...” trở xuống là

kết luận tên gọi. Văn phần đầu thuận theo Lý giới ngoại để thành lập tên gọi, là hướng về ba loại trước thành lập nghĩa Đương Phần cho nên nói là Lý giới ngoại. Lý thật sự thì hoàn toàn chỉ về sanh tử phiền não của giới nội. Tiếp trong phần hai là giải thích về tướng, có hai: Một là giải thích, bởi vì mê lý cho nên Bồ-đề là phiền não, tức là lý tánh chân trí Bồ-đề. Thế nào vậy? Bởi chính là kiến tư hoặc của giới nội. Sanh tử và Niết-bàn ví dụ ở đây có thể hiểu được. Hai là từ “Tức sự...” trở xuống sơ lược kết luận, phiền não sanh tử là Sự, Bồ-đề Niết-bàn là Trung đạo, từ vô thỉ đến nay tùy ý vận dụng mà như vậy, chẳng phải suy nghĩ lâu, chẳng phải suy nghĩ đến đến trong chốc lát, không hề có gì chi phối nắm giữ cho nên nói là không người nào, tánh vốn tự nhiên cho nên không có tạo tác, vì vậy bốn loại này đều gọi là Vô tác.

Hỏi: Đây chính là kết luận về tên gọi tại vì sao văn dưới lại tiếp tục kết luận về tên gọi?

Đáp: Trong này là thành lập tướng Vô tác cho nên thuận tiện nói là Vô tác, văn dưới tổng kết chỉ có một Đế cho nên gọi là Vô tác. Tiếp theo trong phần dẫn chứng nói Đại Kinh nói: Thế đế... ấy, nơi đó lại dựa theo Thế đế tức là Đệ nhất nghĩa đế mà giải thích rộng ra. Giải thích rằng Thế đế tức là Khổ Tập, Đệ nhất nghĩa đế chính là Đạo Diệt, muốn làm cho chúng sanh từ trong Khổ Tập mà thấy Đạo Diệt cho nên nói Tức là vậy thôi. Thật ra thì không có hai pháp Tướng Tức, cho nên tổng kết tên gọi hợp với Tứ Đế chỉ là Nhất Thật, Nhất Thật chỉ là ba đức, bốn đức, vì vậy tuy có bốn tên gọi bốn thật mà không có bốn, một hãy còn không có một làm sao nói là bốn ư? Vì thế cũng không tiếp tục mà luận theo thứ tự. Nếu như giải thích tên gọi đưa ra Thể cũng có đủ hai nghĩa Đương phần và Khoa tiết, bốn giáo xét kỹ Thật Lý, bốn giáo chủng trí giác cùng với giáo, Giáo Chủ chuyển vận chỉ là giáo của Nhất âm, như trước có thể biết. Tiếp theo từ “Tùng nhiên...” trở xuống là mở rộng phá bỏ giải thích Sự, trước là dựa theo Thắng Man trở lại thiết lập Vô tác Tứ Đế, Sự Thắng Man kia chỉ dùng một Diệt làm Vô tác cho nên biết là chẳng phải Viên. Trong đó phân làm 4: Một. Thuật lại ý Sự Thắng Man; Hai. Thuật lại cách phá của Đạt Ma; Ba. Từ “Đáp...” trở xuống là trình bày về Sự Thắng Man bào chữa; Bốn. Từ “Kim nan...” trở xuống là tông phái này phân định. Văn phần một phân làm hai: Trước là chỉ ra sự thiết lập kia, tiếp từ “Hà giả...” trở xuống là giải thích sự thiết lập ấy. Văn phần đầu, quán xét ý kinh ấy hợp lại thuận theo Vô tác để thành lập ý chỉ. Sự ấy tách biệt chỉ ra một Diệt ca ngợi, giải thích là Thường, là Đế, là Y. Trong giải thích có hai: Trước là giải thích về ba, tiếp là giải thích

về một. Tiếp theo dẫn ra sự chất vấn của Đạt ma Uất đa la, lại có hai: Đầu là chất vấn, tiếp là kết luận. Văn phần đầu chất vấn, dựa theo văn kinh ấy thì Đạo cũng là Thường, vì sao phân định tổng quát cả ba loại là Vô Thường? Nói giống như những dòng chảy hòa vào biển rộng... ấy là bởi vì Đạo Thường cho nên các phần đều Thường, như những dòng chảy hòa vào biển rộng cùng một vị mặn của muối. Tiếp từ “Na vân...” trở xuống là kết luận, Sư kia phân định cả ba loại như Đạo... đều là Vô Thường, Đạo đã là Thường cho nên biết hai loại còn lại là phân định sai. Phần ba là ý cứu vãn của Sư Thắng Man, nếu dùng Lý để nói Tứ Đế đều là Thường thì tại sao chỉ có Đạo Đế? “Khổ trước Diệt Đế” trở xuống là giải thích về Diệt là Thường. Từ “Vô thí Vô tác” trở xuống là giải thích về Đạo là Thường. Nói “Như Lai Pháp thân” trở xuống là giải thích về tập là Thường. Nói Như Lai tạng theo lý vốn là Pháp thân, vì vậy gọi là Thường. Từ “Khổ Đế ẩn...” trở xuống là giải thích về Khổ Đế là Thường, trình bày về Pháp thân Như Lai bị Âm làm cho che lấp nhưng Lý Thể là Thường. Nhị Thừa đối với bốn cảnh giới không điên đảo, không thấy không biết ấy, là trình bày về người hàng Nhị thừa chẳng những không thấy mà còn không biết về Lý của Như Lai tạng. Đây chính là Hữu lượng không biết gì về Vô lượng. Từ “Kim dục hiển thuyết...” trở xuống là trình bày về xưa nay tuy nói Tứ Đế là Thường mà giống như chưa hiển bày rõ ràng. Nếu nói rõ ràng thì một Thường, ba Vô Thường rõ ràng như trước. Từ “Hữu đối...” trở đi là tiếp theo dựa vào giải thích rõ ràng Khổ - Tập - Đạo cả ba hãy còn là Vô Thường. Vì có Đối trị cho nên Đạo là Vô Thường, vì chướng cần phải trừ cho nên Tập là Vô Thường, vì thân cần phải hiện rõ cho nên Khổ là Vô Thường, vì vậy tạm thời nói Diệt Đế là Thường. Phần bốn là Sư này chất vấn, lại phân làm ba: Một. Gạt bỏ; Hai. Từ “Đương tri...” trở xuống là Sư này kết luận và phân định, chính là trong Vô lượng Tứ Đế này, tách biệt chỉ ra Diệt hiển bày địa vị ở Sơ Địa gọi là Vô tác; Ba. Từ “Niết-bàn...” trở xuống là dẫn Đại Kinh chứng minh kết luận. Tiếp trong phần phân định nhưng mà trước đã nêu ra bốn tướng Tứ Đế, từ nông đi vào sâu là phân rõ hơn kém, chưa hẳn là phân định sáng tỏ về mức độ hơn kém ấy, vì lẽ đó phân định kinh Pháp Hoa này dựa theo Tứ Đế này, là Tứ Đế của giáo nào đã thâm nhiếp? Vì vậy nay kinh này một mình được xưng là Diệu, vì lẽ đó cần phải dẫn đến sự phân định thô Diệu này. Nếu như chỉ phân định trong bốn giáo thì Viên giáo được gọi là Diệu, các kinh đều có nghĩa Viên như vậy tại sao không xưng là Diệu? Vì thế cần phải tiếp tục dựa theo Bộ - dựa theo Vị mới hiển bày kinh này là giáo Viên, bộ Viên.

Vì vậy trong phần phân định lại phân làm hai: Trước là dựa theo bốn Giáo để phân định, tiếp là dựa theo năm Vị để phân định. Nếu không dựa theo Giáo thì không biết Giáo Diệu, nếu không dựa theo Vị thì không biết Bộ Diệu. Xuống phía dưới tất cả các văn phân định về thô Diệu thấy đều ví dụ như vậy. Đầu tiên trong phần dựa theo bốn giáo phân định về thô Diệu thì Giáo - Hành - Chứng đều theo lệ quy định kết luận là Thừa Diệu, cần phải dựa theo địa vị để phân định, bốn giáo cùng lấy ngoại phạm làm Giáo, nội phạm là Hành, Thánh vị là Chứng. Hai giáo trước chỉ chứng Chân đế, vì vậy đều là thô. Biệt giáo nếu theo các văn trước sau, nên nói Chứng dung hòa mà Giáo - Hành không dung hòa bởi vì từ Sơ Địa chứng đạo như nhau. Huyền Văn này tất cả các nghĩa phân biệt không khai mở hiển bày giới hạn mà phần nhiều thuận theo Giáo đạo. Nay ở đây cũng vậy, Giáo bàn về Lý Trung đạo cho nên gọi là dung hòa, Hành Chứng theo thứ tự cho nên gọi là không dung hòa. Nếu thực hiện Chứng giống nhau thì thuận theo như trước giải thích, cùng dung hòa là Viên cho nên xưng là Diệu. Tiếp theo trong phần dựa vào năm vị nói một phá bỏ ba ấy là Viên phá bỏ Thông... hai không phù hợp ấy là Tạng - Thông không phù hợp Trung đạo. Hai và một tuy hòa vào một Giáo nhưng không dung hợp, ấy là đối với hai giáo Viên - Biệt tuy cùng phù hợp Trung đạo, nhưng Biệt giáo không dung hợp. Một vị Thực tô phá bỏ hai vị là Viên giáo phá bỏ Thông - Biệt giáo. Một hòa vào một ấy là Biệt giáo hòa vào Trung đạo. Một không hòa vào một ấy là độn căn Thông giáo. Một tuy hòa vào một mà Giáo không dung hợp ấy là trở lại phân định Biệt giáo. Tiếp theo khai mở về thô, có hai: Nêu ra và giải thích. Giải thích là nếu chỉ phân định mà không khai mở thì Diệu là Diệu ở ngoài thô đối đãi rõ ràng, những người không hiểu đều nói là đối đãi Thô là Diệu thì Diệu trái lại trở thành thô. Như trước dẫn trung Luận nói nếu pháp vì đối đãi mà thành thì pháp vẫn trở thành đối đãi. Vì vậy nay khai mở điều ấy không còn đối tượng đối đãi, ngay nơi đối tượng đối đãi ấy chính là chủ thể đối đãi, tên gọi chủ thể, đối tượng bật dứt Thể đối đãi không còn, cho nên Trung Luận nói nay thì không có nhân tố đối đãi cũng không có pháp gì thành tựu, vì vậy cần phải khai mở một môn này, thô của ba Giáo trước và thô trong bốn vị kia, các pháp về sau theo đây có thể biết. Lại muốn khai mở các kinh trước tiên nói về ý của các kinh không khai mở, mới hiển bày kinh này khai mở nghĩa khác với trước đây, nay văn trước tiên thuật về ý của các kinh. Tiếp đến từ “Như thị...” trở xuống là chính thức khai mở. Văn phần đầu ấy theo lệ quy định cũng cần phải thuật về bốn

loại của Hoa Nghiêm - Phương Đẳng thông suốt với nhau. Văn không có ấy là lược bớt mà thôi. Trong đó lại có hai: Trước là thuật về ý của các kinh; tiếp là trở lại dựa theo Giáo, dựa theo Lý cùng phân định. Nay tạm thời thuật về hai vị trong bốn kinh một Luận không như nhau. Đầu tiên trong Đại phẩm nói: “Tất cả các pháp hưởng về” vốn là văn của Viên giáo ba Đế, nay lại tách rời ra để chứng minh ba nghĩa, thứ nhất là văn Tức Không, từ “Tức thị...” trở xuống là văn về Sắc hãy còn không thể có được. Văn kinh không theo thứ tự cho nên trước giải thích về Tức Không, sau đưa ra hai nghĩa để so sánh ba câu. Tiếp đến dẫn văn Luận giải thích thành tựu Đại Phẩm. Nhưng văn kệ Trung Luận vốn là có ba ý, nghĩa các văn dùng để đầu tiên chứng minh về Tạng giáo. Văn sau đã nói rằng “Đã nghe mười hai nhân duyên của Đại thừa, cho nên biết văn Kệ giới hạn ở ba Giáo, vì vậy nay dựa vào văn mà chứng minh ba ý. Văn sau tự có hai phẩm thuộc về Tạng giáo. Vô lượng... ấy là Vô lượng thì thuận theo Viên giáo phát sinh ba loại. Ba Kinh dưới đây cùng là vị Đề hồ, ý kinh đầy đủ như các kinh khác đã nói, Pháp Hoa có thể thấy, Niết-bàn nói Truy là lui lại vậy; nhưng lại tiếp tục phân biệt các Vị trước. Mẫn là hợp lại, từ Pháp Hoa trở về trước các kinh đều kết hợp mất đi. Ý này là thuận theo Pháp Hoa Bộ. Đến trong Đại Kinh lại phân biệt ấy là bởi vì phủ khắp thời gian cuối cùng. Vì thế trong Đại Kinh có đủ hai thuyết này. Trong đó có hai: Trước là đưa ra ý văn hai phẩm; tiếp là giải thích. Phần đầu như văn. Trong phần giải thích chỉ giải thích về truy tìm và mất đi, trong đó lại có ba: Một. Nêu ra; Hai. Giải thích; Ba. Từ “Như thử...” trở xuống là ý kết luận. Trong phần giải thích có hai: Một là giải thích, hai là liệu giản. Trong giải thích chỉ giải thích câu đầu, tiếp là ba câu còn lại theo ý trong câu đầu. Lý đó đã Tức cho nên giải thích không thể nói thiên về một phía, sao có thể thiên về tạo tác sanh sanh mà nói, ý trong này tròn đầy không thể thuyết thiên lệch cho nên gọi là Không thể nói (bất khả thuyết). Nếu Chỉ Quán phá bỏ pháp khắp nơi đều Trung đạo trình bày về Lý viên mãn không có ngôn thuyết cho nên không thể nói được, thì nay vốn là vì thành tựu Giáo thuận theo ngôn thuyết làm phương tiện. Vì vậy biết rằng một câu đều có đủ bốn câu. Tiếp theo trong phần liệu giản.

Hỏi: Vì sao Đức Phật đưa ra cách giải thích thiên lệch như vậy? Ý hỏi là nghĩa và ý đã thông suốt vì sao ở trong kinh Đức Phật chỉ đem câu thứ hai để giải thích câu thứ nhất? Ý trả lời là nếu như hiểu rõ câu thứ hai tức là câu thứ nhất, thì hiểu được câu thứ ba thứ tư giống như câu thứ nhất. Tiếp từ “Hoặc tam chủng...” trở xuống là trở lại phân định Quyền

Thật. Trước đã trình bày các kinh hoặc là khai mở, hoặc là kết hợp, nay muốn khai mở rõ ràng cho nên lại tiếp tục khai mở nhiều loại Quyền Thật, Quyền này đều khai mở đều khiến cho trở thành Diệu. Thứ nhất là hai loại có thể nói, không thể nói được có thể hiểu. Tiếp là thuận theo có lẽ bốn loại đều có thể nói là thô ấy bởi vì có ngôn giáo, hoặc là bốn loại đều không thể nói được là Diệu ấy bởi vì phù hợp với Lý Vô Thuyết, hoặc là bốn loại có thể nói có thô có Diệu ấy thì Thật Ngữ là Hư Ngữ cho nên thô. như thuyết mà chứng vốn là Diệu, hoặc là bốn loại không thể nói được có thô có Diệu ấy là phù hợp với Lý Như Thật vốn là Diệu, dấy lên cái thấy lặng lẽ vốn là thô, hoặc là là bốn loại có thể nói chẳng phải thô chẳng phải Diệu ấy là Thể của văn tự Đương Giáo chẳng phải thô hay Diệu, hoặc là bốn loại không thể nói được chẳng phải thô, chẳng phải Diệu ấy là Lý của Đương Giáo cũng không hướng về thô hay Diệu. Tuy có Diệu và chẳng phải thô chẳng phải Diệu mà hãy còn thuộc về Tương Đãi có thô có Diệu. Tiếp theo từ “Như thị đẳng...” trở xuống đều là khai mở về thô ấy khiến cho hòa vào với Diệu này, trong đó lại có hai: Trước là khai mở, tiếp là dựa vào nghĩa của Quang Trạch để hiển bày thành Diệu. Nói bốn loại đều không thể nói được là địa vị cao... ấy là đã khai mở Quyền rồi thì đều đạt đến Lý cuối cùng không thể nói được, tức là cùng với sự cao xa rộng rãi trong Diệu Kinh như nhau, cho nên dùng thứ tự đã khai mở để so sánh. Theo lệ quy định thì các khoa cùng thuận theo đều hướng về nghĩa cao xa rộng rãi, nhưng đây vốn là nghĩa thiết lập của Quang Trạch, đối với nghĩa này không cần lắm cho nên phần còn lại không luận đến, từng câu từng câu đến cực điểm cho nên đều là địa vị cao. Đều có thể nói ấy là một câu đều có thể làm thành bốn câu để giải thích vốn là Thể rộng lớn; cũng có thể nói, cũng không thể nói được ấy là tùy cơ để giải thích vốn là Dụng lâu dài. Quán tâm có thể biết ấy là quán tâm tức Không cho nên thấy sanh vô sanh, quán tâm tức Giả cho nên thấy ở Vô lượng, quán tâm tức Trung cho nên thấy ở Vô tác. Một tâm ba quán hướng về một niệm tâm thấy bốn loại Tứ Đế, trước là quán phế bỏ Quyền, sau là quán khai mở Quyền. Nếu luận về quán đế lẽ nào không có quán tâm, nhưng các thuyết trên đây đều dựa theo Giáo Môn hoặc là thi thiết hoặc là phế bỏ, nay phân rõ quán tâm thì xưa nay vốn trình bày ở một niệm, hoặc là cảnh hoặc là trí cùng thuộc về một tâm, cho nên cần phải trải qua trình bày để hiển bày Diệu Hạnh. Tiếp là giải thích về Nhị Đế: Trước là đưa ra rõ ràng, tiếp là chính thức giải thích, tự phân làm bốn. Trong bốn phần thì văn phần đầu lại có hai: Trước là nói về cái mất của người

khác, tiếp là phân rõ cái được hiện tại. Văn phần đầu lại có ba: Một. Trình bày chung về cái mất; hai. Tách biệt hiển bày tướng cái mất; ba. Từ “Cổ kim...” trở xuống là tổng kết. Tên gọi của Nhị Đế hiển bày ở giáo khác cho nên cả một thế hệ đã đưa ra tên gọi đó rất nhiều, chủ thể giải thích đã nhiều mà đối tượng trình bày lại khó sáng tỏ, vì thế người hoằng pháp đối với điều này đã sanh ra tranh luận rất nhiều. Tiếp theo từ “Diệu thắng...” trở xuống là tách biệt trình bày về cái mất, trong đó có hai: Một là trình bày Thánh giả hưởng về nhân; Hai là từ “Nhiên chấp giả...” trở xuống là phạm phu chấp trước ở thời này. Văn phần đầu lại có ba: Một. Dẫn kinh; Hai. Từ “Nhị Thánh...” trở xuống là so sánh gạt bỏ; Ba. Từ “Vấn...” trở xuống là liệu giải thích những trở ngại. Văn phần đầu dẫn Kinh Diệu Thắng Định như Chỉ Quán thứ ba ghi lại. Văn phần hai có thể thấy. Trong phần ba giải thích những trở ngại có hai lần hỏi đáp để phân rõ nơi tranh luận. Hai Thánh thuộc về nhân thì nơi nào sanh ra, tranh luận như thế cho nên cần phải bắt đầu từ nơi gần kề để lấy hai Sanh làm câu hỏi. Lại tiếp tục ngăn chặn nói hai sanh trước nhưng cũng không thuận theo rơi vào ác đạo. Trong phần trả lời có hai: Đầu là chỉ chung cho hai Sanh trước đây, tiếp từ “Hựu nhị sanh...” trở xuống là tách biệt dựa theo Giáo để lựa chọn nêu ra. Ý phần đầu là từ lúc mới phát tâm cho đến bây giờ đều gọi là trước, cần gì phải gần ra khỏi ác đạo thì đến hai Sanh? Trong văn phần tiếp theo nói “trước đây” ấy là đủ Tăng kỳ thứ nhất, ban đầu đều gọi là “trước đây” cho nên có lẽ có đọa lạc. Bởi vì Bồ tát này đến Tăng kỳ thứ ba mới xa rời năm chướng thì mới chính là không đọa lạc, việc gì phải cuối A tăng kỳ thứ ba mới ta khỏi ác đạo? Tiếp đến trong phần hỏi đáp, trước là trong phần hỏi dẫn kinh Kim Quang Minh để chất vấn ba Giáo sau không còn đọa lạc, vì sao Thập Địa còn có những sợ hãi về hổ, sói? Ba Giáo sau cùng có Thập Địa cho nên lấy làm chất vấn, sợ hãi cho nên có đủ nghi hoặc, có đủ nghi hoặc cho nên đọa lạc, vì sao nói không còn đọa lạc ác đạo? Do đó dẫn quyển thứ bốn kinh ấy để chất vấn, phẩm Kim Thắng Đà la ni ấy là chư Phật mười phương cùng lúc thuyết ra mười loại Đà la ni để bảo vệ Thập Địa, như bảo vệ Sơ Địa nói: “Nếu có người thiện nam đạt được Đà la ni tên gọi Y Công Đức Lực là chư Phật quá khứ đã thuyết ra. Nếu tụng trì chú này thì vĩnh viễn xa lìa nỗi sợ hãi về sư tử, hổ sói..., cho đến Địa thứ mười cũng đều có Đà la ni...” Thập Địa trong kinh ấy đã bị hổ sói làm hại, sao nói ba Giáo không còn đọa lạc? Ý trả lời cũng có hai: Trước là trả lời chung; tiếp là trả lời tách biệt. Văn phần đầu là ý dẫn ra Đại Kinh hai mươi nói: “Bồ tát tuy thấy thân này chứa đầy tội lỗi

Vô lượng sai lầm, vì muốn thọ trì kinh Niết-bàn cho nên còn phải bảo vệ tốt hơn không để cho thiếu sót, quán sát đối với ác hữu là ác tri thức bình đẳng không có gì khác nhau. Tại vì sao? Vì hủy hoại Pháp thân vốn có? Bồ tát đối với các loại tình huống xấu ác mà tâm không có gì sợ hãi, nhưng đối với ác tri thức thì tâm sinh ra sợ hãi. Tại vì sao? Bởi vì những tình huống xấu ác này chỉ có thể hủy hoại thân mà không thể nào hủy hoại tâm, ác tri thức thì thân và tâm đều bị hủy hoại. Nếu những tình huống xấu ác chỉ hủy hoại một thân, thì ác tri thức hủy hoại Vô lượng thân - Vô lượng thiện tâm, thân thối tha, thân thanh tịnh, thân thật, thân pháp cũng vậy, bị những tình huống xấu ác làm hại không đến nỗi rơi vào ba đường ác, bị ác tri thức làm hại ắt phải rơi vào ba nẻo dữ”. Ý văn trong Đại Kinh đã là thân sanh Bồ tát, thân cha mẹ sinh ra này không tránh khỏi cái hại của hổ sói, không có nghĩa là có bị hại ắt phải rơi vào đường ác. Chương An nói ác loại các thú chỉ là ác duyên không có thể sinh ra tâm ác của con người, ác tri thức thì bàn luận làm cho người ta thỏa mãn, lời lẽ hoa mỹ gạ gẫm quyến rũ lấy sắc dẫn dắt người làm ác. Bởi vì làm điều ác cho nên phá hủy thiện tâm của người, gọi đó là giết hại thì phải rơi vào địa ngục; người đoạn trừ phiền não không bị làm cho liên lụy vì thế không rơi vào địa ngục. Tiếp theo từ “Nhiên Viên giáo...” trở xuống là dựa theo Giáo trả lời chất vấn về Thập Địa nói rằng ác giáo khác có nhục thân như nhau ấy là Biệt giáo đã không có, trong một đời được đi vào Thập Địa, thì không thể nào nói Thập Địa hãy còn sợ hãi các loài hổ sói, nhưng dựa theo quán để giải thích thì Thập Địa hãy còn bị hổ sói của một phẩm vô minh làm hại. Giáo môn của Thông giáo thì Thập Địa không còn nghi hoặc cho nên không có quán sát giải thích về nghĩa của hổ sói. Nếu như từ Địa thứ chín về trước thì cũng có thể dùng thay cho nhau. Nếu thực hiện phế bỏ Quyền thì Thập Địa bên Thông giáo hãy còn là giới ngoại nên bị hùm sói vô minh làm hại. Và lại, ngăn chặn nói rằng đối với Lý thì thông suốt như nhau mà ngăn trở bởi Thông - Biệt, tuy có nghĩa quán sát hiểu rõ của Thập Địa mà đối với Sự thì không thông suốt, vì vậy lại thuận theo nói rõ chất vấn ban đầu ở Viên giáo. Tiếp theo từ “Nhiên chấp giả...” trở xuống là dựa theo phạm phu chấp trước ở thời này, lại có ba: Một. Chấp Phật quả không giống nhau; Hai. Chấp Thế đế không giống nhau; Ba. Chấp phá bỏ và thiết lập không giống nhau. Văn phần đầu là Phật quả vượt ra ngoài Nhị đế... như trong Chỉ Quán quyển thứ ba ghi lại. Văn phần hai là thời nhà Lương chấp Thế Đế không giống nhau, Sư thứ nhất nói đều là có, như nói cái bình chính là tên gọi của vật có cổ nhỏ bụng to, lấy chất Đồng



làm Thế, chứa đựng rửa rảy trong sinh hoạt lấy làm Dụng, Sư thứ hai nói Vô Thế, tên gọi và hoạt dụng như trước mà Thế là không có tự tánh, nếu nói cổ nhỏ bụng to là Thế của cái bình thì con người phải là cái bình, nếu chất Đồng là Thế thì cái chuông phải là cái bình; Sư thứ ba nói Vô Thế dụng thì có tên gọi mà không có Thế như trước đã nói, nếu nói chứa đựng rửa rảy là hoạt dụng của cái bình thì thau chậu phải là cái bình, và không mượn tay người khác. Vả lại, chất Đồng khắp nơi không có cái bình, Thế cái bình hãy còn không có thì cái gì là Dụng của cái bình? Thế và Dụng tuy không có mà có Thế để lập thành tên gọi thì tên gọi không thể nào phế bỏ, vì vậy lại không có chấp trước của Sư thứ tư. Văn phần ba là phá bỏ hai mươi ba giáo phái xưa nay trình bày nghĩa Nhị Đế, như Chỉ Quán quyển thứ ba ghi lại, văn ở thời nhà Lương kết tập rất rõ ràng. Thứ ba trong phần tổng kết, cổ xưa tức là nhân trước kia của Thánh giả và thời nhà Lương về trước, hiện tại tức là các vị túc đức thời nhà Trần. Tiếp theo từ “Kim vị...” trở xuống là tông phái này chính thức phân định lại làm cho dung thông, khiến các cách giải thích xưa và nay đều thuộc về tùy tình, trong đó lại có bốn: Một. Tổng quát trình bày về ý thành lập; hai. Từ “Lược hữu...” trở xuống là nêu ra ba loại; Ba. Từ “Tùy tình...” trở xuống là giải thích; Bốn. Từ “Nhược giải...” trở xuống là kết luận. Đầu tiên trong căn dục như trong Chỉ Quán Thập Lực giải thích. Ý phần hai như văn.

Trong phần ba giải thích nói tùy tình... ấy như Chỉ Quán thứ ba ghi lại. Đầu tiên giải thích về tùy tình, lại có năm:

1. Sơ lược trình bày về lý do.
2. Dẫn giáo nêu tướng.
3. Từ “Như thuận...” trở xuống là ví dụ cái mất của chấp giáo.
4. Từ “Chúng Sư...” trở xuống là tiếp tục gạt bỏ.
5. Từ “Nhược nhị thập tam gia...” trở xuống là gạt bỏ thủ trước.

Phần đầu như văn. Văn phần hai nói Thế đệ nhất pháp có Vô lượng chủng loại ấy là cũng dựa theo nhiều người, như dưới đây trong Trí Diệu giải thích: Một người không có mà nhiều người có, đã có thể phân làm hai loại thì cũng có thể phân ra thành Vô lượng loại. Chân tế hãy còn như vậy là nêu ra Thế đệ nhất pháp so sánh với ba phần vị trước, từ Thế đệ nhất trở về trước đều thuộc về tùy tình. Như Thế đệ nhất sát bên cạnh chân tế hãy còn nhiều loại, huống là phần vị Nhãn cho đến phần vị Đỉnh Tâm do đó tùy tình là nhiều. Tiếp trong phần giải thích về Tùy tình trí phân làm bốn: 1. Thiết lập tướng; 2. Từ “Như ngũ bách...” trở xuống là dẫn sử; 3. Từ “Kinh vân...” trở xuống là tiếp tục dẫn

Giáo chứng minh; 4. Từ “Như thử...” trở xuống là kết luận. Kết hợp Tỳ tình ở văn trước và Tỳ trí ở văn sau trái ngược nhau có thể trở thành một loại Nhị Đế, cho nên có ý này xuất hiện. Nếu không như vậy thì kinh có văn này phân định thuộc về cách giải thích nào? Năm trăm thân dựa vào như Chỉ Quán quyển thứ hai ghi lại. Phần ba dẫn chứng là kết hợp tâm người thế gian cùng thấy Nhị Đế làm thành một Thế đế, kết hợp người xuất thế cùng thấy Nhị Đế làm thành Đệ nhất nghĩa đế, cùng làm thành một loại Nhị Đế vậy. Văn phần kết luận có thể thấy.